

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ TÀI CHÍNH HOÀNG HUY

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(đã được kiểm toán)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	06 - 30
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	09 - 10
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	11 - 30

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0200117929 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 25 tháng 12 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ sáu ngày 10 tháng 01 năm 2014.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 116 Nguyễn Đức Cảnh, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông: Đỗ Hữu Hạ	Chủ tịch
Ông: Đỗ Hữu Hưng	Ủy viên
Bà: Nguyễn Thị Hà	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông: Đỗ Hữu Hạ	Tổng Giám đốc
Bà: Trần Thị Hoàng Hà	Phó Tổng Giám đốc
Ông: Đỗ Hữu Hậu	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà: Nguyễn Thị Tươi	Trưởng ban
Bà: Phan Thị Thu Hương	Thành viên
Bà: Nguyễn Thị Thúy Nga	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban Quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất;

- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Đỗ Hữu Hạ

Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 30 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy

Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính hợp nhất

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy được lập ngày 30 tháng 12 năm 2015, từ trang 06 đến trang 30, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Cát Thị Hà

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

số: 0725-2013-002-1

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2015

Nguyễn Ngọc Lân

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

số: 1427-2013-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.346.613.029.743	1.270.066.454.070
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	71.619.606.172	19.521.314.931
111	1. Tiền		61.619.606.172	19.521.314.931
112	2. Các khoản tương đương tiền		10.000.000.000	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		65.399.615.117	84.741.624.693
131	1. Phải thu khách hàng		27.897.807.255	4.739.337.803
132	2. Trả trước cho người bán		37.371.949.255	61.131.177.141
135	3. Các khoản phải thu khác	04	129.858.607	18.871.109.749
140	IV. Hàng tồn kho	05	1.208.327.140.889	1.162.122.729.724
141	1. Hàng tồn kho		1.208.327.140.889	1.162.122.729.724
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.266.667.565	3.680.784.722
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		318.486.919	278.178.396
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		1.763.337	2.628.302.994
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	06	147.547	678.426.482
158	4. Tài sản ngắn hạn khác		946.269.762	95.876.850
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		385.741.751.691	324.574.175.469
220	II. Tài sản cố định		99.574.801.871	108.435.345.479
221	1. Tài sản cố định hữu hình	07	44.141.860.763	54.479.618.957
222	- Nguyên giá		85.785.900.379	98.237.705.449
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(41.644.039.616)	(43.758.086.492)
227	2. Tài sản cố định vô hình	08	53.756.890.199	53.955.726.522
228	- Nguyên giá		56.348.485.890	56.363.485.890
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.591.595.691)	(2.407.759.368)
230	3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	09	1.676.050.909	-
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	10	286.166.949.820	215.996.561.111
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		286.166.949.820	215.996.561.111
260	V. Tài sản dài hạn khác		-	142.268.879
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		-	142.268.879
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.732.354.781.434	1.594.640.629.539

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

(Tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN		31/12/2014	01/01/2014
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		1.002.029.450.623	1.117.108.654.304
310	I. Nợ ngắn hạn		990.500.508.711	1.110.562.044.681
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	11	92.841.620.258	204.989.710.901
312	2. Phải trả người bán		115.661.560.581	44.957.370.761
313	3. Người mua trả tiền trước		28.389.893.454	23.303.484.298
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	50.999.958.691	362.150.268
315	5. Phải trả người lao động		18.207.017	3.323.077
316	6. Chi phí phải trả	13	301.025.318.982	-
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	14	401.426.353.665	836.808.409.313
323	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		137.596.063	137.596.063
330	II. Nợ dài hạn		11.528.941.912	6.546.609.623
333	1. Phải trả dài hạn khác		1.528.941.912	-
334	2. Vay và nợ dài hạn	15	10.000.000.000	6.546.609.623
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		635.057.873.593	437.391.348.074
410	I. Vốn chủ sở hữu	16	635.057.873.593	437.391.348.074
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		464.986.750.000	434.986.750.000
420	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		170.071.123.593	2.404.598.074
439	C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	17	95.267.457.218	40.140.627.161
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.732.354.781.434	1.594.640.629.539

Lập, ngày 30 tháng 12 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Nguyễn Thị Thu Hương

Phùng Thị Thu Hương

Đỗ Hữu Hạ

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2014

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2014		Năm 2013	
			VND		VND	
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	1.140.374.694.539	59.159.260.307		
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-		
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.140.374.694.539	59.159.260.307		
11	4. Giá vốn hàng bán	19	824.670.336.816	45.894.860.031		
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		315.704.357.723	13.264.400.276		
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20	2.582.532.263	43.546.013		
22	7. Chi phí tài chính		-	185.500.000		
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	185.500.000		
24	8. Chi phí bán hàng		12.231.695.054	37.050.000		
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	21	10.951.451.526	6.953.610.076		
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		295.103.743.406	6.131.786.213		
31	11. Thu nhập khác	22	1.192.227.493	3.150.645.603		
32	12. Chi phí khác	23	8.678.938.859	3.207.934.026		
40	13. Lợi nhuận khác		(7.486.711.366)	(57.288.423)		
45	14. Phần lãi (lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh		170.388.709	(3.438.889)		
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		287.787.420.749	6.071.058.901		
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	24	64.994.065.173	176.616.064		
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>222.793.355.576</u>	<u>5.894.442.837</u>		
61	18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số		55.126.830.057	83.932.378		
62	18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ		167.666.525.519	5.810.510.459		
70	19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	25	3.680	167		

Người lập biểu



Nguyễn Thị Thu Hương

Kế toán trưởng



Phùng Thị Thu Hương

Lập ngày 30 tháng 12 năm 2015

Tổng Giám đốc



Đỗ Hữu Hạ

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2014

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		287.787.420.749	6.071.058.901
	2. Điều chỉnh cho các khoản		7.906.025.889	3.956.257.931
02	- Khấu hao tài sản cố định		9.261.231.806	3.794.960.146
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(1.355.205.917)	(24.202.215)
06	- Chi phí lãi vay		-	185.500.000
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		295.693.446.638	10.027.316.832
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		21.177.983.057	57.033.697.033
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(46.204.411.165)	1.053.347.598
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(56.195.770.170)	300.952.628.680
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		101.960.356	4.055.585.766
13	- Tiền lãi vay đã trả		-	(362.116.064)
14	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(14.564.346.219)	(173.070.112)
16	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		-	(2.000.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		200.008.862.497	372.585.389.733
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(2.082.559.999)	(375.050.143.419)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		454.545.455	725.909.091
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	41.504.570
25	4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(70.170.388.709)	(216.000.000.000)
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		2.582.532.263	2.041.443
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(69.215.870.990)	(590.280.688.315)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		30.000.000.000	92.000.000.000
33	2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		306.709.696.260	252.124.745.101
34	3. Tiền chi trả nợ gốc vay		(415.404.396.526)	(122.011.190.026)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(78.694.700.266)	222.113.555.075

01111
CÔNG
CH NHIỆM
NG KIỂM
AAS
KIỂM

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2014

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		52.098.291.241	4.418.256.493
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		19.521.314.931	15.103.058.438
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	03	71.619.606.172	19.521.314.931

Lập, ngày 30 tháng 12 năm 2015

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thu Hương

Kế toán trưởng

Phùng Thị Thu Hương

Tổng Giám đốc

Đỗ Hữu Hạ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2014

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0200117929 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 25 tháng 12 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ sáu ngày 10 tháng 01 năm 2014.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 116 Nguyễn Đức Cảnh, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty là: 1.200.000.000.000 đồng; Tương đương 120.000.000 cổ phần; Mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng. Vốn thực góp tại thời điểm 31/12/2014 là 464.986.750.000 đồng (Bằng chữ: Bốn trăm sáu mươi tư tỷ, chín trăm tám mươi sáu triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng chẵn).

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy tại Hà Nội	Số 275 Nguyễn Trãi, Phương Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội	Kinh doanh bất động sản
Địa điểm kinh doanh số 1	Km 9 Quốc lộ 5 mới, xã Nam Sơn, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng	Sản xuất thùng xe tải

Công ty có các công ty con được hợp nhất Báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2014 bao gồm:

Tên công ty	Trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Thương mại Hưng Việt	Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội	75%	75%	Kinh doanh bất động sản

Công ty có công ty liên kết được kế toán theo Phương pháp vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2014 gồm:

- Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Lâm Hậu;
- Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Hà;
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hoàng Hiệp.

Thông tin bổ sung về các công ty liên doanh, liên kết của Công ty: Xem chi tiết tại Thuyết minh số 10.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Vận tải hành khách đường thủy nội địa;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Chi tiết: Vận tải hàng hóa bằng ô tô, xe container;
- Vận tải hành khách ven biển và viễn dương;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy;
- Bán mô tô, xe máy;
- Khai thác và thu gom than cứng;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;



- Khai thác quặng sắt;
- Vận tải quặng sắt;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Xây dựng công trình công ích; Chi tiết: Thi công, lắp đặt đường dây và trạm biến áp đến 35Kv;
- Khai thác và thu gom than non;
- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt; Chi tiết: Khai thác quặng bôxít; Khai thác quặng đồng, chì, niken;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Chi tiết: Bán buôn sắt, thép;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Chi tiết: Xây dựng và sửa chữa công trình giao thông;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; Bán buôn xi măng; Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; Bán buôn kính xây dựng; Bán buôn sơn, vecsni; Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; Bán buôn đồ ngũ kim; Bán buôn bê tông thương phẩm;
- Khai thác và thu gom than bùn;
- Sản xuất thân xe có động cơ; Rơ moóc và bán rơ moóc;
- Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe;
- Sản xuất xe có động cơ; Chi tiết: Sản xuất xe có động cơ, rơ moóc và bán rơ moóc;
- Sản xuất mô tô, xe máy;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Chuẩn bị mặt bằng; Chi tiết: San lấp mặt bằng;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện);
- Đúc sắt, thép;
- Gia công cơ khí; Xử lý và tráng phủ kim loại;
- Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống);
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác;
- Vận tải hành khách đường bộ khác; Chi tiết: Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh; Vận tải hành khách bằng ô tô theo tuyến cố định và theo hợp đồng;
- Xây dựng nhà các loại; Chi tiết: Xây dựng, sửa chữa nhà các loại;
- Lắp đặt hệ thống điện; Chi tiết: Lắp đặt hệ thống điện, hệ thống chiếu sáng, hệ thống báo cháy - báo động, chống trộm; Lắp đặt đường dây thông tin liên lạc, mạng máy tính và dây cáp truyền hình (gồm cả cáp quang học);
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Hoạt động tư vấn quản lý; Chi tiết: Tư vấn quản lý dự án (Nhóm C);
- Tư vấn, môi giới, đầu giá bất động sản, đầu giá quyền sử dụng đất; Chi tiết: Dịch vụ môi giới bất động sản; Dịch vụ định giá bất động sản; Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản; Dịch vụ tư vấn bất động sản; Dịch vụ quảng cáo bất động sản; Dịch vụ quản lý bất động sản;
- Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy;
- Môi giới hợp đồng hàng hóa và chứng khoán; (Không bao gồm môi giới chứng khoán, bảo hiểm, tài chính, bất động sản);
- Đúc kim loại màu (trừ đúc vàng);
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; Chi tiết: bán buôn than đá và nhiên liệu rắn khác;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt); Chi tiết: Vận tải hành khách bằng taxi;
- Hoạt động cấp tín dụng khác; Chi tiết: Dịch vụ cầm đồ.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3. Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được lập cho cùng năm tài chính với báo cáo tài chính của Công ty, áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

2.4. Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

2.5. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.6. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá ba (03) tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.8. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân sau mỗi lần nhập.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.9. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 26 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 15 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 05 năm
- Quyền sử dụng đất	30 năm
- Phần mềm máy tính	08 năm

2.10. Các khoản đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Kỳ phiếu, tín phiếu kho bạc, tiền gửi ngân hàng có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là “tương đương tiền”;
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

2.11. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

2.12. Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.13. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

2.14. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

2.15. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ (tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, nợ phải thu, nợ phải trả không bao gồm các khoản Người mua ứng trước và Ứng trước cho người bán, Doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.16. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.17. Các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế năm.

2.18. Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.



3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tiền mặt	553.351.989	10.442.022.420
Tiền gửi ngân hàng	61.066.254.183	9.079.292.511
Các khoản tương đương tiền	10.000.000.000	-
	71.619.606.172	19.521.314.931

4. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Ký quỹ tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong	-	18.614.548.631
Phải thu khác	129.858.607	256.561.118
	129.858.607	18.871.109.749

5. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	4.628.425.554	4.410.554.684
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	1.199.579.072.132	1.152.013.439.964
Thành phẩm	4.099.273.203	5.698.735.076
Hàng hóa	20.370.000	-
	1.208.327.140.889	1.162.122.729.724

(*) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang là Chi phí thực hiện Dự án Chung cư cao cấp Golden Land tại địa chỉ 275 Nguyễn Trãi, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, do Công ty Cổ phần Thương mại Hưng Việt - Công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài Chính Hoàng Huy làm chủ đầu tư. Dự án Chung cư cao cấp Golden Land bắt đầu bàn giao căn hộ và ghi nhận doanh thu kinh doanh bất động sản từ năm 2014.

6. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	618.452.199
Thuế thu nhập cá nhân	147.547	275.422
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	59.698.861
	147.547	678.426.482

7. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	TSCĐ dùng trong quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	75.464.053.802	13.027.929.822	8.663.227.727	1.082.494.098	98.237.705.449
Số tăng trong năm	-	-	-	406.509.090	406.509.090
- <i>Mua trong năm</i>	-	-	-	406.509.090	406.509.090
Số giảm trong năm	(10.466.613.122)	(1.675.343.676)	-	(716.357.362)	(12.858.314.160)
- <i>Thanh lý, nhượng bán</i>	(10.364.566.205)	(1.500.251.818)	-	(209.309.089)	(12.074.127.112)
- <i>Giảm theo TT45/2013/TT-BTC</i>	(102.046.917)	(175.091.858)	-	(507.048.273)	(784.187.048)
Số dư cuối năm	64.997.440.680	11.352.586.146	8.663.227.727	772.645.826	85.785.900.379
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	28.968.065.684	10.852.911.616	2.918.225.059	1.018.884.133	43.758.086.492
Số tăng trong năm	6.198.870.952	1.879.382.278	967.929.344	16.212.909	9.062.395.483
- <i>Khấu hao trong năm 2015</i>	4.066.382.075	161.593.247	967.929.344	16.212.909	5.212.117.575
- <i>Khấu hao các năm trước của TSCĐ không sử dụng</i>	2.132.488.877	1.717.789.031	-	-	3.850.277.908
Số giảm trong năm	(9.066.613.123)	(1.445.825.172)	-	(664.004.064)	(11.176.442.359)
- <i>Thanh lý, nhượng bán</i>	(8.964.566.206)	(1.270.733.314)	-	(209.309.089)	(10.444.608.609)
- <i>Giảm theo TT45/2013/TT-BTC</i>	(102.046.917)	(175.091.858)	-	(454.694.975)	(731.833.750)
Số dư cuối năm	26.100.323.513	11.286.468.722	3.886.154.403	371.092.978	41.644.039.616
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	46.495.988.118	2.175.018.206	5.745.002.668	63.609.965	54.479.618.957
Tại ngày cuối năm	38.897.117.167	66.117.424	4.777.073.324	401.552.848	44.141.860.763

Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 21.364.227.132 VND

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất (*) VND	Phần mềm máy tính VND	TSCĐ vô hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	56.217.489.700	34.100.000	111.896.190	56.363.485.890
Số tăng trong năm	-	-	-	-
Số giảm trong năm	-	(15.000.000)	-	(15.000.000)
- Giảm theo TT45/2013/TT-BTC	-	(15.000.000)	-	(15.000.000)
Số dư cuối năm	56.217.489.700	19.100.000	111.896.190	56.348.485.890
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	2.261.763.178	34.100.000	111.896.190	2.407.759.368
Số tăng trong năm	198.836.323	-	-	198.836.323
- Khấu hao trong năm	198.836.323	-	-	198.836.323
Số giảm trong năm	-	(15.000.000)	-	(15.000.000)
- Giảm theo TT45/2013/TT-BTC	-	(15.000.000)	-	(15.000.000)
Số dư cuối năm	2.460.599.501	19.100.000	111.896.190	2.591.595.691
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	53.955.726.522	-	-	53.955.726.522
Tại ngày cuối năm	53.756.890.199	-	-	53.756.890.199

(*) Quyền sử dụng đất bao gồm:

- Quyền sử dụng 25.828,2 m2 đất tại Xã Nam Dương, An Dương, Thành phố Hải Phòng; Hình thức sử dụng: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm; Thời hạn sử dụng 30 năm 22/07/2003 đến 22/07/2033.
- Quyền sử dụng 18.939,4 m2 đất tại Xã Nam Dương, An Dương, Thành phố Hải Phòng; Hình thức sử dụng: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm; Thời hạn sử dụng 30 năm 13/03/2002 đến 13/03/2032.
- Quyền sử dụng 352,4 m2 đất tại Số 116 Nguyễn Đức Cảnh, Phường Cát Dài, Thành phố Hải Phòng; Thời hạn sử dụng lâu dài.

9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Xây dựng cơ bản dở dang	1.676.050.909	-
+ Công trình Thi công cọc Tòa nhà 183 Bà Triệu	1.676.050.909	-
	1.676.050.909	-

10. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	286.166.949.820	215.996.561.111
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Lâm Hậu	79.999.111.111	79.999.111.111
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Hà	135.997.450.000	135.997.450.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hoàng Hiệp	70.170.388.709	-
	286.166.949.820	215.996.561.111

Đầu tư vào công ty liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2014 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Dịch vụ Thương mại Lâm Hậu	Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng	44,44%	44,44%	Kinh doanh ô tô, sản xuất và kinh doanh phụ tùng liên quan
Công ty CP Đầu tư Dịch vụ Hoàng Hà	Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng	42,50%	42,50%	Kinh doanh ô tô, sản xuất và kinh doanh phụ tùng liên quan
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Hoàng Hiệp (*)	Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh	23,87%	23,87%	Kinh doanh ô tô, sản xuất và kinh doanh phụ tùng liên quan

Lí do thay đổi đối với từng khoản đầu tư vào công ty liên kết

(*) Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hoàng Hiệp được thành lập trong năm 2014; Trong đó: Công ty Cổ phần Thương mại Hưng Việt là 1 trong 4 cổ đông sáng lập.

11. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Vay ngắn hạn	50.736.624.521	198.443.101.277
<i>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu - Chi nhánh Hải Phòng</i>	-	147.620.019.747
<i>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong - Chi nhánh Phạm Hùng</i>	-	35.412.394.990
<i>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Dầu khí toàn cầu - Chi nhánh Hải Phòng ⁽¹⁾</i>	7.416.764.021	-
<i>Bà Nguyễn Thị Hòa ⁽²⁾</i>	23.609.305.000	2.900.000.000
<i>Ông Đỗ Hữu Hưng ⁽²⁾</i>	13.924.705.500	-
<i>Vay các cá nhân khác ⁽²⁾</i>	5.785.850.000	12.510.686.540
Nợ dài hạn đến hạn trả	42.104.995.737	6.546.609.624
<i>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong - Chi nhánh Phạm Hùng ⁽³⁾</i>	32.560.885.092	6.546.609.624
<i>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Hải Phòng ⁽⁴⁾</i>	9.544.110.645	-
	92.841.620.258	204.989.710.901

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

⁽¹⁾ Hợp đồng tín dụng ngắn hạn hạn mức số 0068/2014/HPG/HMTD ngày 20/2/2014 bao gồm các điều khoản chi tiết sau:

+ Mục đích vay: Bổ sung vốn xây dựng khu nhà ở cao tầng N01 thuộc dự án Xây dựng khu Trung tâm Thương mại - Dịch vụ và nhà ở Golden Land Buiding;

+ Thời hạn vay: 12 tháng;

+ Lãi suất cho vay: 9,3%/năm;

+ Phương thức bảo đảm: Thẻ chấp bằng tài sản của bên thứ ba là sổ tiết kiệm số AB1137936 do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Dầu khí toàn cầu – Chi nhánh Hải phòng phát hành, chủ sở hữu là Ông Đỗ Hữu Hưng;

+ Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2014 là 7.416.764.021 đồng.

⁽²⁾ Phản ánh các khoản vay không lãi suất từ các cổ đông Công ty và Vay dài hạn đến hạn trả của một số cá nhân để thực hiện dự án Golden Land Building; Lãi suất cho vay từ 0%-2% /năm. Một số trường hợp, cá nhân cho vay có quyền thực hiện mua căn hộ tại dự án, trường hợp cá nhân cho vay có quyền thực hiện mua căn hộ thì sẽ áp dụng lãi suất là 0%.

⁽³⁾ Hợp đồng tín dụng hạn mức số 70-10.13/HĐTD/TPB.PHG ngày 16/10/2013 bao gồm các điều khoản chi tiết sau:
+ Mục đích vay: Bổ sung vốn hoàn thiện công trình tòa B nhà N01 thuộc dự án đầu tư xây dựng Trung tâm thương mại - dịch vụ nhà ở Golden Land;
+ Thời hạn vay: 24 tháng;
+ Lãi suất cho vay: 13%/năm;
+ Phương thức bảo đảm: Thế chấp bằng tài sản là các căn hộ chưa bán của tòa B nhà N01 dự án đầu tư xây dựng Trung tâm thương mại- dịch vụ nhà ở Golden Land tại số 275 đường Nguyễn Trãi Hà Nội và 256,5m² biệt thự tại số 183 phố Bà Triệu, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội;
+ Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2014 là 32.560.885.092 đồng.

⁽⁴⁾ Hợp đồng tín dụng hạn mức số 69/TDH/2014/360 ngày 26/6/2014 bao gồm các điều khoản chi tiết sau:
+ Mục đích vay: Bổ sung vốn xây dựng Khu nhà ở cao tầng NO1 thuộc dự án Xây dựng khu Khu trung tâm thương mại - dịch vụ và nhà ở Golden Land Building;
+ Thời hạn vay: 13 tháng;
+ Lãi suất cho vay: 9%/năm; Trả gốc và lãi một lần khi đáo hạn;
+ Phương thức bảo đảm: Khoản vay được đảm bảo bằng sổ tiết kiệm số 01/2014/HĐTG-LPBHP-CTCPĐTVHH do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Hải Phòng phát hành cho Công ty Cổ phần Đầu tư dịch vụ Hoàng Huy ngày 25/6/2014 trị giá 9,65 tỷ VND;
+ Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2014 là 9.544.110.645 đồng.

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	1.121.016.579	299.009.050
Thuế thu nhập doanh nghiệp	49.811.266.755	-
Thuế thu nhập cá nhân	67.675.357	63.141.218
	<u>50.999.958.691</u>	<u>362.150.268</u>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Trích trước chi phí xây dựng Dự án Golden Land	301.025.318.982	-
	<u>301.025.318.982</u>	<u>-</u>



14. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	-	2.872.461
Bảo hiểm xã hội	8.019.201	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	4.260.000.000	-
Các khoản phải trả phải nộp khác	397.158.334.464	836.805.536.852
+ Phải trả Ban quản lý Chung cư Golden Land tiền phí bảo trì thu hộ	8.166.503.750	-
+ Phải trả Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy về Hợp tác kinh doanh (*)	-	145.835.447.934
+ Thu tiền khách mua căn hộ theo tiến độ Hợp đồng	387.961.498.775	690.906.036.975
+ Thu tiền trước của Khách hàng thuê Trung tâm thương mại	951.437.814	-
+ Phải trả ngắn hạn khác	78.894.125	64.051.943
	401.426.353.665	836.808.409.313

(*) Số tiền Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy góp vốn đầu tư theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 02/HTKD ngày 01/01/2012. Trong năm 2014, Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy đã thực hiện thoái vốn.

15. VAY DÀI HẠN VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Vay dài hạn	10.000.000.000	6.546.609.623
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu - Chi nhánh Hải Phòng (*)	10.000.000.000	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong - Chi nhánh Phạm Hùng	-	6.546.609.623
	10.000.000.000	6.546.609.623

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

(*) Khoản vay dài hạn của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu - Chi nhánh Hải Phòng theo Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 01230114/TH ngày 23/01/2014 bao gồm các điều khoản chi tiết như sau:

+ Hạn mức tín dụng: 10.000.000.000 đồng;

+ Mục đích vay: Bổ sung vốn xây dựng Khu nhà ở cao tầng NO1 thuộc dự án Xây dựng Khu Trung tâm Thương mại - Dịch vụ và Nhà ở Golden Land Building;

+ Thời hạn cho vay: 24 tháng, trả gốc một lần khi đáo hạn, lãi trả hàng quý;

+ Lãi suất cho vay: 9,5%/năm;

+ Hình thức đảm bảo tiền vay: Khoản vay được đảm bảo bằng sổ tiết kiệm số 172791049 do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu - Chi nhánh Hải Phòng phát hành ngày 23/1/2014, chủ sở hữu là ông Đỗ Hữu Hưng trị giá 10.000.000.000 VND.

+ Số dư nợ gốc của Hợp đồng tín dụng tại thời điểm 31/12/2014 là 10.000.000.000 đồng, Trong đó: Số nợ gốc phải trả trong kỳ tới là 0 đồng.

11001
CƠ
TÁCH NH
ẢNG K
AA
TÍN KIẾT

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của CSH	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	342.986.750.000	(3.405.912.385)	339.580.837.615
Tăng vốn trong năm trước	92.000.000.000	-	92.000.000.000
Lãi trong năm trước	-	5.810.510.459	5.810.510.459
Số dư cuối năm trước	434.986.750.000	2.404.598.074	437.391.348.074
Tăng vốn trong năm	30.000.000.000	-	30.000.000.000
Lãi trong năm nay	-	167.666.525.519	167.666.525.519
Số dư cuối năm nay	464.986.750.000	170.071.123.593	635.057.873.593

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối năm	Tỷ lệ	Đầu năm	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Ông Đỗ Hữu Hạ	182.442.050.000	39,24%	162.442.050.000	37,34%
Bà Nguyễn Thị Hà	151.344.700.000	32,55%	141.344.700.000	32,49%
Ông Đỗ Hữu Hưng	65.600.000.000	14,11%	65.600.000.000	15,08%
Ông Đỗ Hữu Huy	65.600.000.000	14,11%	65.600.000.000	15,08%
Tổng cộng	464.986.750.000	100,0%	434.986.750.000	100,0%

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	434.986.750.000	342.986.750.000
- Vốn góp tăng trong năm	30.000.000.000	92.000.000.000
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	464.986.750.000	434.986.750.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2014	01/01/2014
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	46.498.675	43.498.675
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	46.498.675	43.498.675
- Cổ phiếu phổ thông	46.498.675	43.498.675
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	46.498.675	43.498.675
- Cổ phiếu phổ thông	46.498.675	43.498.675
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000	10.000

17. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Số dư đầu năm	40.140.627.161	40.056.694.783
Lợi nhuận của cổ đông thiểu số trong năm	55.126.830.057	83.932.378
Số dư cuối năm	95.267.457.218	40.140.627.161

18. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Doanh thu bán xe tải và thùng xe tải	97.851.000.000	47.030.000.000
Doanh thu kinh doanh bất động sản	1.029.827.516.262	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	12.693.814.878	12.126.896.671
Doanh thu khác	2.363.399	2.363.636
Tổng cộng	1.140.374.694.539	59.159.260.307

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Giá vốn bán xe tải và thùng xe tải	90.012.544.535	40.802.305.524
Giá vốn của hoạt động kinh doanh bất động sản	727.776.607.159	-
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	6.881.185.122	5.092.554.507
Tổng cộng	824.670.336.816	45.894.860.031

20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.582.447.783	43.546.013
Doanh thu hoạt động tài chính khác	84.480	-
Tổng cộng	2.582.532.263	43.546.013

21. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chi phí nhân công	4.963.135.591	1.404.194.456
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.535.442.069	1.899.976.019
Chi phí dịch vụ mua ngoài	309.989.991	141.864.518
Chi phí khác	4.142.883.875	3.507.575.083
Tổng cộng	10.951.451.526	6.953.610.076

22. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	454.545.455	847.918.328
Thu nhập từ thanh lý hàng tồn kho	-	330.000.002
Thu nhập từ nhân viên quản lý thực hiện dự án Nhà cho người thu nhập thấp	-	1.972.727.273
Thu từ tiền chậm nộp của khách hàng mua căn hộ	244.481.899	-
Thu nhập từ khách hàng bỏ cọc mua căn hộ	417.000.000	-
Thu nhập khác	76.200.139	-
	1.192.227.493	3.150.645.603

23. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	1.618.209.614	741.814.000
Chi phí từ thanh lý hàng tồn kho	-	2.270.498.965
Chi phí khấu hao tài sản cố định không sử dụng	3.850.277.908	-
Chi phạt chậm nộp thuế	1.890.340.641	-
Chi phí khác	1.320.110.696	195.621.061
	8.678.938.859	3.207.934.026

24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành tại Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy - Công ty mẹ	1.509.020.688	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành tại Công ty Cổ phần Thương mại Hưng Việt - Công ty con	63.485.044.485	176.616.064
	64.994.065.173	176.616.064

25. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	167.666.525.519	5.810.510.459
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	167.666.525.519	5.810.510.459
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	45.561.688	34.871.058
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.680	167

26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của công ty

	Giá trị ghi sổ kế toán			
	31/12/2014		01/01/2014	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tài sản tài chính	VND	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	71.619.606.172	-	19.521.314.931	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	28.027.665.862	-	23.610.447.552	-
Cộng	99.647.272.034	-	43.131.762.483	-

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ kế toán	
	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Vay và nợ	102.841.620.258	211.536.320.524
Phải trả người bán, phải trả khác	518.616.856.158	881.765.780.074
Chi phí phải trả	301.025.318.982	-
Cộng	922.483.795.398	1.093.302.100.598

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2014				
Tiền và các khoản tương đương tiền	71.619.606.172	-	-	71.619.606.172
Phải thu khách hàng, phải thu khác	28.027.665.862	-	-	28.027.665.862
Cộng	99.647.272.034	-	-	99.647.272.034
Tại ngày 01/01/2014				
Tiền và các khoản tương đương tiền	19.521.314.931	-	-	19.521.314.931
Phải thu khách hàng, phải thu khác	23.610.447.552	-	-	23.610.447.552
Cộng	43.131.762.483	-	-	43.131.762.483

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2014				
Vay và nợ	92.841.620.258	10.000.000.000	-	102.841.620.258
Phải trả người bán, phải trả khác	517.087.914.246	1.528.941.912	-	518.616.856.158
Chi phí phải trả	301.025.318.982	-	-	301.025.318.982
Cộng	910.954.853.486	11.528.941.912	-	922.483.795.398
Tại ngày 01/01/2014				
Vay và nợ	204.989.710.901	6.546.609.623	-	211.536.320.524
Phải trả người bán, phải trả khác	881.765.780.074	-	-	881.765.780.074
Cộng	1.086.755.490.975	6.546.609.623	-	1.093.302.100.598

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

27. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

28. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm Công ty đã có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Doanh thu bán hàng			
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy	Cùng Chủ tịch HĐQT	82.461.227.150	48.014.449.511
Công ty Cổ phần Phát triển Dịch vụ Hoàng Giang	Cùng Chủ tịch HĐQT	15.066.000.000	-
Cho vay			
Công ty Cổ phần Phát triển Dịch vụ Hoàng Giang	Cùng Chủ tịch HĐQT	10.000.000.000	-
Nhận tiền vay			
Ông Đỗ Hữu Hưng	Cổ đông lớn	15.592.209.500	-
Chi trả tiền vay			
Ông Đỗ Hữu Hưng	Cổ đông lớn	1.667.504.000	-
Nhận tiền hợp tác kinh doanh			
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy	Cùng Chủ tịch HĐQT	40.000.000.000	57.495.000.000
Chi trả tiền hợp tác kinh doanh			
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy	Cùng Chủ tịch HĐQT	185.835.447.934	-
Đầu tư góp vốn trong năm			
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hoàng Hiệp	Công ty liên kết	70.000.000.000	-

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

	Mối quan hệ	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Trả trước cho người bán			
Công ty Cổ phần Phát triển Dịch vụ Hoàng Giang	Cùng Chủ tịch HĐQT	10.004.166.667	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Lâm Hậu	Công ty liên kết	26.501.094.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Hà	Công ty liên kết	-	7.011.094.000
Người mua trả tiền trước			
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy	Cùng Chủ tịch HĐQT	25.946.134.434	23.303.484.298
Vay ngắn hạn			
Ông Đỗ Hữu Hưng	Cổ đông lớn	13.924.705.500	-
Vốn hợp tác kinh doanh			
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy	Cùng Chủ tịch HĐQT	-	145.835.447.934

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và HĐQT	185.871.500	184.215.176

29. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 do Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy lập.

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thu Hương

Kế toán trưởng

Phùng Thị Thu Hương

Lập, ngày 30 tháng 12 năm 2015
Tổng Giám đốc

Đỗ Hữu Hạ